

Bản án số: /2022/HNGĐ-ST  
Ngày 16-6-2022  
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vũ Văn Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Tuyền  
2. Bà Nguyễn Thị Sâm

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn H Phú- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:***  
Bà Nguyễn Khánh Linh- Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1-***Nguyên đơn:*** Anh **Phan Văn Đ**-sinh năm 1975; nơi cư trú: Khu Xóm C 01, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2-***Bị đơn:*** Chị **Hoàng Thị H** -sinh năm 1982; nơi cư trú tại: Khu Xóm C 01, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

***3-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1-Ông Phan Văn V- sinh năm 1941 (Bố đẻ anh Phan Văn Đ) ; nơi cư trú tại: Khu Xóm C 01, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

3.2-Ủy ban nhân dân xã S (UBND xã S), huyện C, tỉnh Phú Thọ.

***Người đại diện theo pháp luật:*** Ông Hà Đ P; chức vụ: Chủ tịch UBND xã Sh. Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 19/3/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh Phan Văn Đ Trình bày trình bày: Anh Đ và chị Hoàng Thị H tự*

nguyện kết hôn với nhau ngày 15/11/1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng nhà bố mẹ đẻ anh Đ tại khu 12 (Nay là khu Xóm C 1), xã S, huyện C được khoảng 01 năm thì ra ở riêng tại khu 12 (Nay là khu Xóm C 1), xã S, huyện C và làm ruộng. Quá trình chung sống được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên nói cãi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ ngày 12/11/2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, nên anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H.

*Tại bản tự khai ngày 22/3/2021 và trong quá trình giải quyết, bị đơn là chị Hoàng Thị H trình bày:* Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống đúng như anh Đ trình bày. Theo chị H, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2019 và trở lên trầm trọng là từ đầu năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đánh, chửi, đuổi chị. Chị H và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Đ không thay đổi. Từ khoảng tháng 11/2020, anh Đ ra ngoài thuê nhà ở với người phụ nữ khác và vợ chồng sống ly thân đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn, chị H cũng đồng ý, vì không còn tình cảm với anh Đ.

Về con chung: Anh Đ, chị H thống nhất trình bày là vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị Thùy L- sinh ngày 05/10/2000 (Đã kết hôn và ra ở riêng), Phan Tiến Đ- sinh ngày 04/01/2005. Hiện cháu Đ đang ở với chị H. Ly hôn, anh Đ, chị H thống nhất là chị H trực tiếp nuôi con chung là Phan Tiến Đ và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Đ, chị H thống nhất trình bày là vợ chồng có các tài sản chung đề nghị Tòa án giải quyết, gồm:

Quyền sử dụng 1.871,8m<sup>2</sup> tại khu Xóm C 1, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trong đó có 400m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 152, tờ bản đồ 25, trị giá 480.000.000đồng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/01/2004 đứng tên chủ hộ sử dụng là Phan Văn Đ và 1.471,8m<sup>2</sup> đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

01 nhà xây năm 2013 đổ hiên tây, mái lợp Proximăng, diện tích 91,3m<sup>2</sup>, trị giá 182.600.000đồng.

01 nhà cũ làm năm 2000 mái lợp lá và proximăng, diện tích 63,8m<sup>2</sup>, trị giá 5.740.000đồng.

01 bếp xây năm 2013, mái lợp proximăng, diện tích 41,6m<sup>2</sup>, trị giá 62.400.000đồng.

01 nhà vệ sinh+nhà tắm xây năm 2013, đổ mái bằng, diện tích 07m<sup>2</sup>, trị giá

14.000.000đồng.

Mái tôn phía trước nhà chính, diện tích 84m<sup>2</sup>, trị giá 14.000.000đồng.

01 ti vi nhãn hiệu Samsung 55inch, trị giá 4.500.000đồng.

01 bộ bàn ghế sa lông bằng gỗ nghiến, trị giá 3.000.000đồng.

01 máy điều hòa nhãn hiệu Panasonic 9000BT, trị giá 3.000.000đồng.

01 máy điều hòa nhãn hiệu Sumikura 9000BT, trị giá 2.000.000đồng.

01 bình nóng lạnh Sumikura, loại 30 lít, trị giá 1.000.000đồng.

03 giường gỗ xoan kích thước mỗi giường là 1,5m x 1,8m, trị giá 600.000đồng (200.000đồng/1 giường).

01 bộ tranh tứ quý bằng gỗ hương, trị giá 5.000.000đồng.

01 tủ li bằng gỗ, trị giá 3.000.000đồng.

01 bộ loa nhãn hiệu california (02 loa to và âm li), trị giá 1.000.000đồng.

01 máy phát điện nhãn hiệu Honda 2,5kg, trị giá 5.000.000đồng.

01 máy lọc nước nhãn hiệu Sơn Hà, trị giá 500.000đồng.

01 máy lọc nước nhãn hiệu Kangaru, trị giá 500.000đồng.

Tổng trị giá 787.840.000đồng.

Ly hôn, anh Đ đề nghị không phân chia quyền sử dụng đất, vì nguồn gốc đất là do bố mẹ đẻ anh Đ là ông Phan Văn V, bà Nguyễn Thị K cho vợ chồng đẻ ở, nay vợ chồng ly hôn, anh Đ đề nghị trả lại đất cho bố mẹ đẻ anh. Đối với các tài sản còn lại, anh Đ đề nghị được sở hữu nhà và các công trình kiến trúc khác có trên đất, để chị H sở hữu các đồ dùng sinh hoạt trong nhà và anh Đ có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H.

Chị H đề nghị được sở hữu nhà chính và các công trình kiến trúc khác xây năm 2013 có trên đất, các đồ dùng sinh hoạt trong nhà và chị có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Đ theo pháp luật.

Về nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh Đ, chị H thống nhất không yêu cầu giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn V trình bày:* Ông là bố đẻ anh Phan Văn Đ. Vợ ông là bà Nguyễn Thị K (Đã chết ngày 03/3/2022 âm lịch). Nguồn gốc 400m<sup>2</sup> đất ở mà vợ chồng anh Phan Văn Đ, chị Hoàng Thị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do vợ chồng ông cho mục đích để vợ chồng anh Đ, chị H ở. Đối với phần đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng anh Đ, chị H đang sử dụng, trong đó có khoảng hơn 100m<sup>2</sup> đất là do vợ chồng ông cho vợ chồng anh Đ, chị H sử dụng. Nay vợ chồng anh Đ, chị H ly hôn, ông V đề nghị trả lại cho vợ chồng ông 400m<sup>2</sup> đất ở và khoảng hơn 100m<sup>2</sup> đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã S do người đại diện theo pháp luật là ông Hà Đ P trình bày:* Đất mà vợ chồng anh Phan Văn Đ, chị Hoàng Thị H đang sử dụng có 02 loại đất, gồm:

Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số 15.2, tờ bản đồ 25, diện tích 400m<sup>2</sup>, lợi đất ở, địa chỉ: Khu 12 (nay là khu Xóm c 1), xã S, huyện C: Nguồn gốc thửa đất này là vợ chồng anh Đ, chị H được giao đất có thu tiền. Ngày 14/01/2004, UBND huyện C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ hộ là anh Phan Văn Đ. Phần đất này, vợ chồng anh Đ, chị H đã làm 01 nhà cấp 4 để ở sau khi kết hôn.

Đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Có diện tích 1.471,8m<sup>2</sup>. Nguồn gốc đất: Theo hồ sơ, sổ sách địa chính thì diện tích đất này là đất màu do UBND xã S quản lý và chưa giao cho ai canh tác hoặc thầu khoán sử dụng. Trong thực tế, theo thông tin địa phương nắm được thì vợ chồng anh Đ, chị H tự ý sử dụng diện tích đất này từ khoảng năm 1999 đến nay. Hiện nay anh Đ, chị H đã sử dụng một phần diện tích đất này để xây thêm 01 nhà ở kiên cố và các công trình phụ, một phần diện tích đất sử dụng trồng cây lâu năm. Việc anh Đ, chị H xây nhà ở trên đất này là tự ý, không xin phép và chính quyền địa phương cũng không lập biên bản xử lý vi phạm hoặc nhắc nhở.

Trong thực tế, tình trạng các hộ gia đình tự ý sử dụng, rồi trao đổi, chuyển nhượng và xây nhà, công trình kiến trúc trên đất màu do UBND xã quản lý diễn ra phổ biến trên địa bàn xã S từ trước đây và đó là tồn tại về công tác quản lý đất đai tại địa phương do lịch sử để lại. UBND xã S đã rà soát, xem xét thực trạng và báo cáo UBND huyện xem xét cho làm thủ tục hợp thức đối với các trường hợp sử dụng đất màu do UBND xã quản lý nhưng đã sử dụng ổn định, lâu dài, phù hợp quy hoạch khu dân cư và đã xây nhà kiên cố hoặc trồng cây lâu năm trên đất. Đối với các trường hợp sử dụng đất màu do UBND xã quản lý nhưng không phù hợp với quy hoạch khu dân cư thì UBND xã không đồng ý đề nghị cho làm thủ tục hợp thức.

Đối với trường hợp vợ chồng anh Phan Văn Đ, chị Hoàng Thị H thì đã sử dụng đất ổn định lâu dài, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch khu dân cư của địa phương và anh Đ, chị H đã xây nhà kiên cố, trồng cây lâu năm trên đất nên có thể được xem xét làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay vợ chồng anh Đ, chị H ly hôn, quan điểm của địa phương là đồng ý để anh Đ hoặc chị H hoặc cả anh Đ, chị H tiếp tục sử dụng diện tích đất do UBND xã S quản lý nêu trên.

Sau khi Tòa án xét xử xong, nếu anh Đ, chị H có đơn đề nghị, UBND xã S sẽ xem xét cho làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất cho các bên liên quan theo quyết định của Tòa án và theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Phan Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày bổ sung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và thời điểm vợ chồng ly thân đúng như bị đơn là chị Hoàng Thị H trình bày.

Về con chung: Đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con chung.

Về tài sản: Diện tích đất nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng là đất do UBND xã S quản lý nhưng đề nghị được tiếp tục sử dụng.

Đối với các ý kiến, đề nghị khác thì anh Phan Văn Đ giữ nguyên.

Bị đơn là chị Hoàng Thị H trình bày bổ sung là:

Về con chung: đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Diện tích đất nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng là đất do UBND xã S quản lý nhưng đề nghị được tiếp tục sử dụng.

Đối với các ý kiến, đề nghị đã trình bày, chị H giữ nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn V trình bày là ông không có đề nghị, yêu cầu gì đối với đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh Phan Văn Đ, chị Hoàng Thị H đang sử dụng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; 59; 62; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn Đ và chị Hoàng Thị H.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi con chung là Phan Tiến Đ- sinh ngày 04/01/2005, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Phan Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung:

Giao cho anh Phan Văn Đ có quyền sở hữu 01 nhà cũ làm năm 2000 mái lợp mái lợp proximãng, diện tích 63,8m<sup>2</sup>, trị giá 5.740.000đồng; 01 nhà vệ sinh+nhà tắm xây năm 2013, đổ mái bằng, diện tích 07m<sup>2</sup>, trị giá 14.000.000đồng; và có quyền sử dụng thửa đất số 152, tờ bản đồ 25, diện tích 400m<sup>2</sup>, trị giá

480.000.000đồng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/01/2004 đứng tên chủ hộ sử dụng là Phan Văn Đ. Tổng trị giá là 499.740.000đồng.

Giao cho chị Hoàng Thị H được quyền sở hữu các tài sản gồm: 01 nhà xây năm 2013 đồ hiên tây, mái lợp proximãng, diện tích 91,3m<sup>2</sup>, trị giá 182.600.000đồng; 01 bếp xây năm 2013, mái lợp proximãng, diện tích 41,6m<sup>2</sup>, trị giá 62.400.000đồng; Mái tôn phía trước nhà chính, diện tích 84m<sup>2</sup>, trị giá 14.000.000đồng, 01 ti vi nhãn hiệu Samsung 55inch, trị giá 4.500.000đồng; 01 bộ bàn ghế sang lông bằng gỗ nghiến, trị giá 3.000.000đồng; 01 máy điều hòa nhãn hiệu Panasonic 9000BT, trị giá 3.000.000đồng; 01 máy điều hòa nhãn hiệu Sumikura 9000BT, trị giá 2.000.000đồng; 01 bình nóng lạnh Sumikura, loại 30 lít, trị giá 1.000.000đồng; 03 giường gỗ xoan kích thước mỗi giường là 1,5m x 1,8m, trị giá 600.000đồng (200.000đồng/1 giường); 01 bộ tranh tứ quý bằng gỗ hương, trị giá 5.000.000đồng; 01 tủ li bằng gỗ, trị giá 3.000.000đồng; 01 bộ loa nhãn hiệu california (02 loa to và âm li), trị giá 1.000.000đồng; 01 máy phát điện nhãn hiệu Honda 2,5kg, trị giá 5.000.000đồng; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Sơn Hà, trị giá 500.000đồng; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Kangaru, trị giá 500.000đồng. Tổng trị giá là 288.100.000đồng.

Anh Phan Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Hoàng Thị H 105.820.000đồng.

Tạm giao cho anh Đ sử dụng 729,5m<sup>2</sup> đất màu do UBND xã S quản lý (Theo chỉ giới 1, 20, 19, 21, 22, 23, 14, 13, 12, 11, 10, 9, 8, 7, 24, 22, 1 trong sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Tạm giao cho chị H sử dụng 742,3m<sup>2</sup> đất màu do UBND xã S quản lý (Theo chỉ giới 14, 15, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 14 trong sơ đồ hiện trạng kèm theo).

4. Về nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: Anh Phan Văn Đ, chị Hoàng Thị H, mỗi người pH chịu 150.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 19.696.000đồng án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “tranh chấp hôn nhân và gia đình” và nơi cư trú bị đơn là tại xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định

tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Đ và chị H bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy, vợ chồng anh Đ, chị H chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống và không có sự tin tưởng với nhau nên vợ chồng thường nói cãi chửi nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng tháng 11/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên thuận tình ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của đương sự cho thấy chị H có nơi ở, nghề nghiệp, thu nhập ổn định và kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, con chung được chị H chăm sóc bảo đảm có cuộc sống sinh hoạt học tập ổn định. Anh Đ là lao động tự do, thu nhập không ổn định và từ khi ly thân đến nay, anh Đ thiếu sự quan tâm chăm sóc đối với con chung. Tại phiên tòa, con chung là Phan Tiến Đạt trình bày là muốn được sống cùng chị H. Do vậy, để bảo đảm được sự phát triển toàn diện của con chung, cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh Đ không pH cấp dưỡng nuôi con, vì chị H không yêu cầu.

[4]. Về tài sản:

Về tài sản chung: Căn cứ vào hiện trạng quản lý, sử dụng tài sản và nhu cầu thực tế đối với tài sản, cần chia tài sản chung của vợ chồng anh Đ, chị H cụ thể như sau:

Giao cho anh Phan Văn Đ có quyền sở hữu 01 nhà cũ làm năm 2000 mái lợp mái lợp proximãng, diện tích 63,8m<sup>2</sup>, trị giá 5.740.000đồng; 01 nhà vệ sinh+nhà tắm xây năm 2013, đổ mái bằng, diện tích 07m<sup>2</sup>, trị giá 14.000.000đồng; và có quyền sử dụng thửa đất số 152, tờ bản đồ 25, diện tích 400m<sup>2</sup>, trị giá 480.000.000đồng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/01/2004 đứng tên chủ hộ sử dụng là Phan Văn Đ. Tổng trị giá là 499.740.000đồng.

Giao cho chị Hoàng Thị H được quyền sở hữu các tài sản gồm: 01 nhà xây

năm 2013 đồ hiên tây, mái lợp proximăng, diện tích 91,3m<sup>2</sup> , trị giá 182.600.000đồng; 01 bếp xây năm 2013, mái lợp proximăng, diện tích 41,6m<sup>2</sup>, trị giá 62.400.000đồng; Mái tôn phía trước nhà chính, diện tích 84m<sup>2</sup>, trị giá 14.000.000đồng, 01 ti vi nhãn hiệu Samsung 55inch, trị giá 4.500.000đồng; 01 bộ bàn ghế sang lông bằng gỗ nghiến, trị giá 3.000.000đồng; 01 máy điều hòa nhãn hiệu Panasonic 9000BT, trị giá 3.000.000đồng; 01 máy điều hòa nhãn hiệu Sumikura 9000BT, trị giá 2.000.000đồng; 01 bình nóng lạnh Sumikura, loại 30 lít, trị giá 1.000.000đồng; 03 giường gỗ xoan kích thước mỗi giường là 1,5m x 1,8m, trị giá 600.000đồng (200.000đồng/1 giường); 01 bộ tranh tứ quý bằng gỗ hương, trị giá 5.000.000đồng; 01 tủ li bằng gỗ, trị giá 3.000.000đồng; 01 bộ loa nhãn hiệu california (02 loa to và âm li), trị giá 1.000.000đồng; 01 máy phát điện nhãn hiệu Honda 2,5kg, trị giá 5.000.000đồng; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Sơn Hà, trị giá 500.000đồng; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Kangaru, trị giá 500.000đồng. Tổng trị giá là 288.100.000đồng.

Anh Phan Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Hoàng Thị H 105.820.000đồng.

Đối với 1.471,8m<sup>2</sup> đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh Đ, chị H đang sử dụng: Kết quả xác minh thu thập chứng cứ cho thấy diện tích đất này là đất màu do UBND xã S quản lý. Do UBND xã S đồng ý cho anh Đ, chị H tiếp tục sử dụng sau khi ly hôn nên cần tạm giao cho anh Đ, chị H sử dụng theo hiện trạng sử dụng đất cụ thể như sau:

Tạm giao cho anh Đ sử dụng 729,5m<sup>2</sup> đất màu do UBND xã S quản lý ( Theo chỉ giới 1, 20, 19, 21, 22, 23, 14, 13, 12, 11, 10, 9, 8, 7, 24, 22, 1 trong sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Tạm giao cho chị H sử dụng 742,3m<sup>2</sup> đất màu do UBND xã S quản lý (Theo chỉ giới 14, 15, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 14 trong sơ đồ hiện trạng kèm theo).

[5]. Về chi phí tố tụng: Chị Hoàng Thị H tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Đ, chị H mỗi người pH chịu 150.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 19.696.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 và khoản 1, 2, 3, 5, Điều 59; điểm d khoản 2 Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30



tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn Đ và chị Hoàng Thị H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Phan Tiến Đ- sinh ngày 04/01/2005 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Phan Văn Đ không pH cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Anh Phan Văn Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1-Giao cho anh Phan Văn Đ có quyền sở hữu 01 nhà cũ làm năm 2000 mái lợp mái lợp proximãng, diện tích 63,8m<sup>2</sup>, trị giá 5.740.000đồng; 01 nhà vệ sinh+nhà tắm xây năm 2013, đồ mái bằng, diện tích 07m<sup>2</sup>, trị giá 14.000.000đồng và có quyền sử dụng thửa đất số 152, tờ bản đồ 25, diện tích 400m<sup>2</sup> ( Theo chỉ giới 1, 22, 24, 7, 8, 5, 4, 3, 2, 1 trong sơ đồ hiện trạng kèm theo), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/01/2004 đứng tên chủ hộ sử dụng là Phan Văn Đ, trị giá 480.000.000đồng. Tổng trị giá là 499.740.000đồng.

Tạm giao cho anh Phan Văn Đ sử dụng 729, 5m<sup>2</sup> đất màu do UBND xã S quản lý ( Theo chỉ giới 1, 20, 19, 21, 22, 23, 14, 13, 12, 11, 10, 9, 8, 7, 24, 22, 1 trong sơ đồ hiện trạng kèm theo).

3.2-Giao cho chị Hoàng Thị H được quyền sở hữu các tài sản gồm: 01 nhà xây năm 2013 đồ hiện tây, mái lợp proximãng, diện tích 91,3m<sup>2</sup> , trị giá 182.600.000đồng; 01 bếp xây năm 2013, mái lợp proximãng, diện tích 41,6m<sup>2</sup>, trị giá 62.400.000đồng; Mái tôn phía trước nhà chính, diện tích 84m<sup>2</sup>, trị giá 14.000.000đồng, 01 ti vi nhãn hiệu Samsung 55inch, trị giá 4.500.000đồng; 01 bộ bàn ghế sang lông bằng gỗ nghiến, trị giá 3.000.000đồng; 01 máy điều hòa nhãn hiệu Panasonic 9000BT, trị giá 3.000.000đồng; 01 máy điều hòa nhãn hiệu Sumikura 9000BT, trị giá 2.000.000đồng; 01 bình nóng lạnh Sumikura, loại 30 lít, trị giá 1.000.000đồng; 03 giường gỗ xoan kích thước mỗi giường là 1,5m x 1,8m, trị giá 600.000đồng (200.000đồng/1 giường); 01 bộ tranh tứ quý bằng gỗ hương, trị giá 5.000.000đồng; 01 tủ li bằng gỗ, trị giá 3.000.000đồng; 01 bộ loa nhãn hiệu california (02 loa to và âm li), trị giá 1.000.000đồng; 01 máy phát điện nhãn hiệu Honda 2,5kg, trị giá 5.000.000đồng; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Sơn Hà, trị giá 500.000đồng; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Kangaru, trị giá

500.000đồng. Tổng trị giá là 288.100.000đồng.

Tạm giao cho chị H sử dụng 742,3m<sup>2</sup> đất màu do UBND xã S quản lý (Theo chỉ giới 14, 15, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 14 trong sơ đồ hiện trạng kèm theo).

3.3-Anh Phan Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Hoàng Thị H 105.820.000đ (Một trăm không năm triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Anh Phan Văn Đ, chị Hoàng Thị H mỗi người pH chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 19.696.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung, tổng cộng là 19.846.000đồng. Nhưng anh Đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003885 ngày 22/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, anh Phan Văn Đ còn pH nộp 19.546.000đ (Mười chín triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện; tỉnh PT;
- Các đương sự
- UBND xã S;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Vũ Văn Thắng**

